

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2018

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Doanh;

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xét xử công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H sinh năm 1982; Có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. *Bị đơn:* Anh Đồng Văn K sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

(Anh K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:* Chị và anh Đồng Văn K xây dựng gia đình từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 27/11/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc nhưng năm 2006 anh K thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn, rượu vào lại mắng chửi chị H. Việc anh K mắng chửi chị H thì chị H đã mời tổ hòa giải và Công an viên đến giải quyết nhưng anh K không chịu hợp tác nên vào năm 2014 chị H đã gửi đơn lên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án anh K xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị H đã cho anh K một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm và chị H đã rút đơn xin ly hôn đối với anh K. Sau khi rút đơn xin ly hôn tại Tòa án được một thời gian anh K lại tái diễn việc mắng chửi chị H. Việc anh K mắng chửi chị H dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Trong thời

gian sống ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn anh Đồng Văn K.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Đồng Thị Hồng N sinh ngày 11/10/2002 và Đồng Quang Q sinh ngày 12/10/2008, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung đến năm đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

**Trong quá trình tố tụng anh Đồng Văn K trình bày:* Về thời điểm kết hôn đúng như chị H trình bày tuy nhiên sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có gì mâu thuẫn nhưng đến ngày 14/10/2017 anh K không biết nguyên nhân vì sao chị H bỏ nhà đi và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh K nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Đồng Thị Hồng N, sinh ngày 11/10/2002 và Đồng Quang Q, sinh ngày 12/10/2008. Khi ly hôn anh K yêu cầu chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung đến năm đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai của cháu Đồng Thị Hồng N sinh ngày 11/10/2002 và cháu Đồng Quang Q sinh ngày 12/10/2008 là con chung của nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Đồng Văn K khai:* Hiện nay hai cháu đang sống cùng mẹ, trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Đồng Thị Hồng N và Đồng Quang Q có nguyện vọng là được ở với mẹ vì mẹ luôn quan tâm, chăm sóc các cháu từ trước đến nay.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa; bị đơn anh Đồng Văn K vắng mặt nhưng bị đơn đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại điểm

a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Đồng Văn K nhưng anh K không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đồng Văn K có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Hoàng Thị H với anh Đồng Văn K thấy rằng:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Đồng Văn K xây dựng gia đình từ năm 2002 đến ngày 27/11/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đây là hôn nhân tự nguyện, chị H và anh K đã đi đăng ký kết hôn do đó hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng theo chị H khai thì từ năm 2006 anh K thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn, rượu vào lại mắng chửi chị H. Việc anh K mắng chửi chị H thì chị H đã mời tổ hòa giải và Công an viên đến giải quyết nhưng anh K không hợp tác nên vào năm 2014 chị H đã gửi đơn lên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án anh K xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị H đã cho anh K cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, chị H đã rút đơn xin ly hôn đối với anh K. Sau khi rút đơn xin ly hôn tại Tòa án được một thời gian anh K lại tái diễn nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn tình yêu và lòng tin đối với anh K nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Đồng Văn K.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đồng Văn K không thừa nhận giữa hai vợ chồng có sự mâu thuẫn như chị H trình bày, nhưng chị H yêu cầu xin ly hôn, anh K nhất trí ly hôn.

Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H với anh Đồng Văn K thấy rằng: Tuy anh K không thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là có thật thể hiện qua việc năm 2014 chị H có đơn xin ly hôn và qua các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều xác định giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài dẫn đến trầm trọng và hiện nay vợ chồng sống ly thân, không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hôn nhân tồn tại chỉ còn là hình thức, không đem lại hạnh phúc gia đình, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh K cũng nhất trí ly hôn. Việc chị H xin ly hôn với anh K là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Đồng Thị Hồng N sinh ngày 11/10/2002 và Đồng Quang Q sinh ngày 12/10/2008, hai con chung khỏe mạnh và

phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung đến năm đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K cũng nhất trí như yêu cầu của chị H.

Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đồng Thị Hồng N và cháu Đồng Quang Q.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung:
- + Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.
- Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H đối với anh Đồng Văn K. Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Đồng Văn K.

2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Đồng Thị Hồng N sinh ngày 11/10/2002 và Đồng Quang Q sinh ngày 12/10/2008 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của các con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 03580 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đồng Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Ba Bể (01b);
- Chi cục THA DS h Ba Bể
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (01b);
- UBND xã Q (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Văn Tư